

85 Z5

XE XÚC LẬT

Động cơ: Phun trực tiếp, turbo tăng áp, công suất 163kW (218hp)

Trọng lượng vận hành 21 tấn, dung tích gầu 3.2-4.0 m³

Khung chính của máy cứng và chắc chắn

Các cụm bộ phận thủy lực bền chắc

Máy hiệu suất cao và đáng tin cậy



THIẾT BỊ TIỀN TIẾN ĐƠN GIẢN BỀN BỈ ĐÁNG TIN CẬY



Máy trên hình có thể đã bao gồm các thiết bị tùy chọn.
Vui lòng tham khảo tư vấn của các đại lý KCM địa phương để biết các hạng mục tùy chọn có sẵn.



Tính năng nổi bật của các máy xúc lật KCM đã được chứng nhận trên phạm vi toàn thế giới.

Sự cải tiến không ngừng về chất lượng sản phẩm kể từ khi được đưa ra thị trường giúp cho xe xúc lật KCM ít phải bảo trì bảo dưỡng, đồng thời, năng suất máy lại vô cùng vượt trội.

KCM, đơn vị sản xuất xe xúc lật tại Nhật trong hơn nửa thế kỷ qua, đã kết hợp giữa các công nghệ tiên tiến cùng với kinh nghiệm thực tế thu thập được trên thế giới để sản xuất nên dòng xe xúc lật tốt nhất phục vụ cho lĩnh vực công nghiệp.

Với tiêu chí đơn giản và tiện lợi, KCM hạn chế những chức năng phức tạp nhưng vẫn đạt được tính năng suất, bền vững, độ tin cậy vượt trội cho máy với chi phí vận hành thiết bị thấp.

Thiết kế của máy đơn giản giúp cho việc bảo trì bảo dưỡng dễ dàng hơn và tiết kiệm chi phí.

KCM chú trọng về tiêu chí đơn giản trong thiết kế nhằm tạo nên dòng thiết bị với độ tin cậy cao, dễ bảo trì và nhất là tối thiểu hóa thời gian dừng máy để bảo trì sửa chữa.

Các cụm bộ phận chính mang "thương hiệu KCM" như: hộp số và cầu xe được phát triển và sản xuất dựa trên kinh nghiệm trong nghề có được từ sự tổng kết giữa các hiểu biết cá nhân cùng công nghệ hiện đại để cho ra đời các cụm bộ phận tốt nhất sử dụng trên xe xúc lật KCM.

SỰ THIẾT KẾ TINH VI

ĐỘNG CƠ NHẬT VỚI BỘ ĐIỀU TỐC BẰNG CƠ KHÍ

Động cơ Nhật là loại động cơ có công suất làm việc và chất lượng cao. Bộ điều tốc cho động cơ bằng cơ khí, chất lượng cao và đã được chứng nhận, giúp tối thiểu hóa các yêu cầu bảo trì bảo dưỡng. So với các hệ thống phun nhiên liệu cao áp được điều chỉnh bằng điện, động cơ này cho phép sử dụng với nhiều loại nhiên liệu và nhớt khác nhau. Động cơ không cần thiết phải sử dụng các dụng cụ chẩn đoán đặc biệt hoặc máy tính khi cần phải bảo trì sửa chữa thiết bị.

*Về phạm vi các loại nhiên liệu có thể sử dụng cho động cơ, hãy tham khảo tư vấn từ đại lý KCM địa phương.



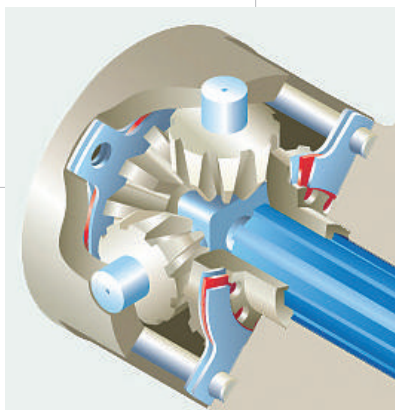
TPD

Bộ vi sai cân đối mô men xoắn tiêu chuẩn (TPD) giúp cải thiện lực kéo di chuyển trong các điều kiện có xảy ra trượt.



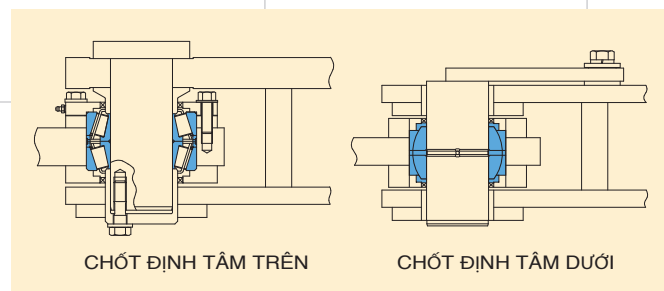
LSD (TÙY CHỌN)

Đối với các ứng dụng yêu cầu lực kéo di chuyển lớn, tùy chọn bộ vi sai trượt giới hạn (LSD) sẽ giúp gia tăng thêm sức kéo di chuyển cho máy.



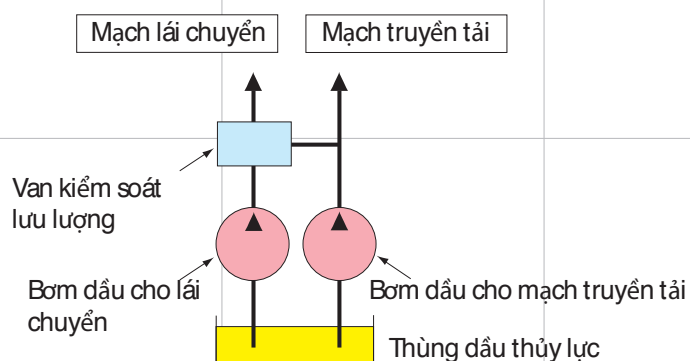
CHỐT ĐỊNH TÂM

Chốt định tâm KCM được thiết kế với bề mặt xù xì và bền chắc giúp máy hoạt động hàng nghìn giờ mà không có sự cố nào xảy ra. Các bạc đạn dạng hình cầu được lắp ở khu vực chốt định tâm dưới giúp hấp thụ các ứng suất lớn sinh ra trong khi xúc.



HỆ THỐNG THỦY LỰC GỬI TÍN HIỆU TẢI CHO CÁC ĐƯỜNG TÍN HIỆU LÁI CHUYỂN

Thiết kế hiệu quả của hệ thống thủy lực giúp cho dòng thủy lực điều khiển hệ thống lái cung cấp tín hiệu cân chỉnh giúp đáp ứng được các yêu cầu lái chuyển cho máy. Điều này cho phép phát huy toàn bộ khả năng của bơm trong mọi điều kiện nhằm đạt được mục đích vận hành tốt nhất.



PHANH ĐĨA LOẠI ƯỚT

Phanh chính loại phanh đĩa ướt lắp phía ngoài có thể hạn chế tối đa thời gian bảo trì bởi phanh nằm ở vị trí dễ tiếp cận và không cần phải tháo cả trục bánh xe đi.



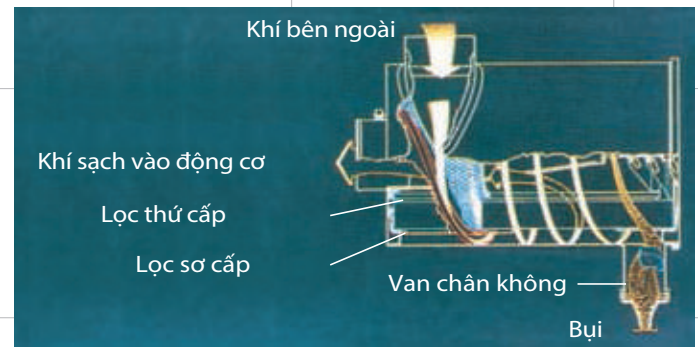
PHANH ĐỒ

Phanh đồ tác động bằng lò xo, mở bằng áp suất dầu, loại phanh trống. Dựa trên thiết kế tuyệt vời, việc bảo trì và điều chỉnh phanh đồ có thể tiến hành rất dễ dàng.



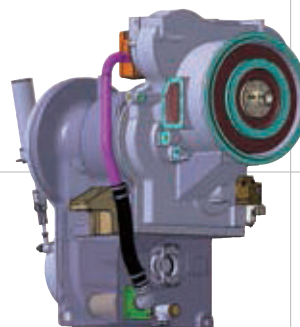
LỘC GIÓ 2 LỖI

Các lọc gió 2 lỗ giúp làm sạch khí lấy từ bên ngoài đưa vào động cơ. Bụi tích lũy trên lọc sẽ được xả tự động ra ngoài thông qua hệ thống các van khi động cơ ngừng làm việc.



HỘP SỐ

Ít phụ tùng và cấu trúc đơn giản của trục trung gian hộp số giúp tối thiểu thời gian và chi phí bảo trì. Việc điều chỉnh hộp số có thể được tiến hành chỉ bằng việc sử dụng một tay cần đơn giản, tạo điều kiện cho người vận hành có thể chỉ cần tập trung vào hoạt động của gầu.



Máy trong hình có thể chứa các hạng mục tùy chọn.
Vui lòng liên hệ với đại lý KCM địa phương để nắm bắt các hạng mục tùy chọn có sẵn.

BỘ MÁY TỐT NHẤT TRÊN THẾ GIỚI, NĂNG SUẤT VÀ ĐÁNG TIN CẬY

CÁNH TAY NÂNG VÀ GẦU

Cánh tay nâng và mối nối chắc và khỏe, xe xúc lật KCM hoạt động tốt với nhiều ứng dụng đa dạng. Lực xúc đất lớn và nâng gầu trở lên tuyệt vời chứng tỏ máy có thể làm việc với tải lớn và giữ một lượng vật liệu trên gầu lớn. Gầu được thiết kế để dễ vận chuyển và được trang bị các tấm cắt mép gần bằng bu lông hoặc các bộ răng giúp thay thế nhanh. Bộ cảm biến vị trí tự động trên gầu và bộ phận nâng cần trục lên là tiêu chuẩn.



ẮC CỦA GẦU ĐƯỢC LÀM KÍN

Việc làm kín ắc giữ gầu giúp duy trì độ trơn và kín của ắc, từ đó gia tăng tuổi thọ của ắc.



KHUNG XE XÚC LẬT LIỀN KHỐI

Khung xe dạng nguyên khối của thiết bị này là bộ khung khỏe nhất trong dòng thiết bị và khả năng kháng lại tải gây xoắn tốt hơn so với khung ghép từ các tấm.

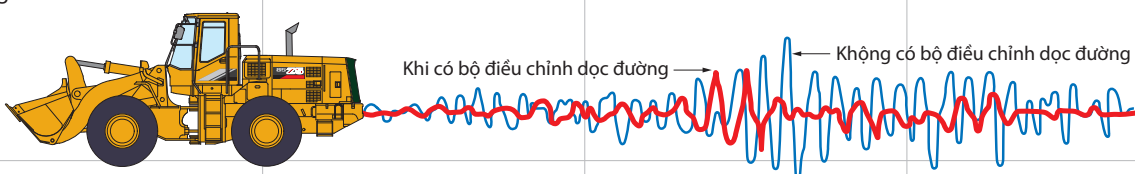


VÒNG PHỐT CHO CÁC XI LẠNH THỦY LỰC

Các xi lanh thủy lực sử dụng vòng phốt giúp gia tăng độ kín và giảm thiểu rò rỉ.

BỘ ĐIỀU CHỈNH DẠNG ĐƯỜNG (TÙY CHỌN)

Bộ điều chỉnh dạng đường tạo nên sự ổn định cho máy khi mang tải và khi vận chuyển. Nó giúp giảm việc máy bị bật nhảy khi di chuyển, cải thiện tính an toàn, năng suất thiết bị và sự êm dịu cho người điều khiển. Hệ thống đi kèm với cảm biến tốc độ, tính năng on/of tự động.

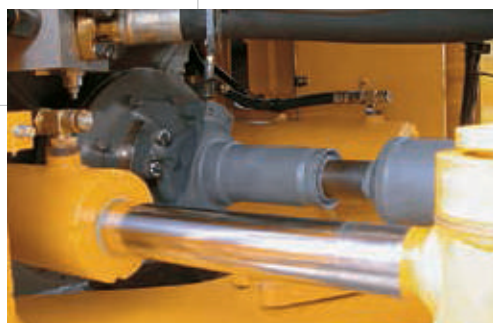


BƠM THỦY LỰC DẠNG BÁNH RĂNG

Bơm bánh răng là trái tim của hệ thống thủy lực. Thiết kế đảm bảo và bền vững của bơm bánh răng tạo nên tính năng tuyệt vời cho dòng thiết bị. Các bơm bánh răng có khả năng chịu được bụi bẩn và chịu được nhiệt thậm chí trong điều kiện công trường cực kỳ khó khăn. Cấu trúc đơn giản của máy giúp giảm chi phí công tác bảo trì thiết bị.

CÁC KHOẢNG THỜI GIAN BÔI TRƠN ĐƯỢC GIA TĂNG CHO CÁC KHỚP NỐI PHỔ THÔNG

Các khớp nối phổ thông đã được làm kín chỉ yêu cầu bôi mỡ mỗi sau 12 000 giờ. Điều này giúp giảm một lượng lớn chi phí bảo trì và tạo nên độ bền tuyệt vời hơn cho máy.



DỄ DÀNG TRUY CẬP BẢO TRÌ BẢO DƯỠNG ĐƠN GIẢN



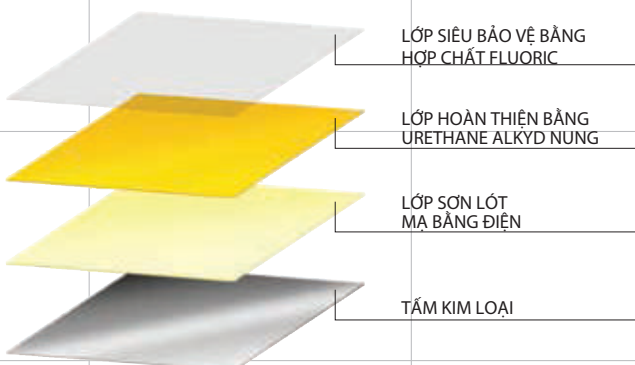
ĐƠN GIẢN VÀ HIỆU QUẢ, LƯỚI TẢN NHIỆT MỞ LÊN TRÊN BỜ MỘT LẦN CHẠM

Nhằm tạo điều kiện để làm sạch bộ tản nhiệt, cánh lưới tản nhiệt được lắp có thể mở bằng lò xo khí nén.



SƠN CHẤT LƯỢNG CAO CHO CÁC TẮM CHẮN TRÊN XE

Công tác xử lý sơn tinh vi của KCM sử dụng lớp sơn lót ED (mạ bằng điện), một lớp hoàn thiện bằng Urethane Alkyd cũng như một lớp siêu bảo vệ bằng hợp chất fluoroc tạo nên sản phẩm bền vững và đẩy thu hút.



Công tác bảo trì thiết bị được cải tiến với các cửa truy cập vào cụm động cơ có thể mở rộng để tăng tốt hơn khả năng tiếp cận. Các phin lọc được lắp dễ thay và các đầu nối bôi mỡ được bố trí thành cụm để giảm thời gian cho việc bảo trì, đồng thời đảm bảo luôn bôi trơn đúng theo khuyến cáo.



CÁC ĐÈN LÀM VIỆC HALOGEN

Các đèn phía trước và sau sáng, là loại đèn Halogen nhằm cải thiện tính an toàn và tầm nhìn.

CÁC ĐÈN PHÍA SAU LAMPS (OPT)

Các đèn LED tuổi thọ cao sẵn có như một tùy chọn cho đèn ở sau đuôi xe. Những đèn này rất sáng và bền.



Máy trên hình có thể bao gồm các hạng mục tùy chọn.
Vui lòng liên hệ với đại lý KCM địa phương để được tư vấn về các hạng mục tùy chọn có sẵn.

THIẾT KẾ VÙNG LÀM VIỆC TIỆN NGHI

"Không nơi nào thoải mái mái như cabin thiết bị "

CABIN (TÙY CHỌN)

Tầm quan sát tuyệt vời khắp mọi hướng được tăng cường nhờ vào các gương phía trong và phía ngoài của cabin. Thanh gạt nước phía trước được lắp khít vào kính qua các đệm cao su, điều này giúp cho việc thay thế gạt nước nhanh và dễ dàng. Cabin được lắp giúp giảm ồn và rung.



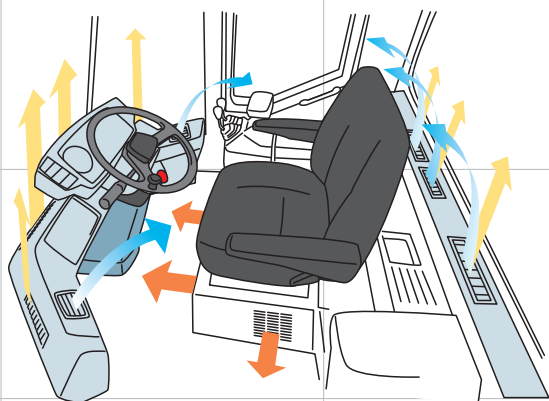
ROPS/FOPS (TÙY CHỌN)

Cabin được chứng nhận đáp ứng đầy đủ các qui định về hệ thống ROPS (Cấu trúc bảo vệ chống lật) và FOPS (Cấu trúc bảo vệ chống vật liệu rơi).



BỘ THIẾT BỊ ĐIỀU HÒA VÀ XÔNG NHIỆT TỰ ĐỘNG HOÀN TOÀN (TÙY CHỌN)

Máy điều hòa /Máy xông được kiểm soát ổn định nhiệt cung cấp các điều chỉnh tự động để giữ cho người vận hành luôn thoải mái trong bất kỳ điều kiện môi trường nào. Các lỗ thông hơi cung cấp đủ khí để phân bổ nhiệt độ đồng đều và làm ấm hiệu quả toàn cabin. Chỉ bằng cách nhấn nút trong cabin, hệ thống kiểm soát nhiệt cabin sẽ giữ cho bụi bẩn di chuyển ra ngoài cabin.



GHẾ NGƯỜI VẬN HÀNH ĐA CHỨC NĂNG ĐIỀU KHIỂN

Ghế ngồi lắp trên lò xo và có thể điều khiển nhằm cung cấp sự tiện nghi tuyệt đối giảm mệt mỏi cho người điều khiển, đồng thời tăng hiệu suất công việc.





CHỈNH ĐỘ NGHIÊNG VÔ LĂNG LÁI

Việc điều chỉnh độ nghiêng vô lăng lái đến nhiều vị trí khác nhau phù hợp với người vận hành tạo nên tính thuận tiện và thoải mái.



CÔNG TƠ MÉT VÀ CÁC ĐỒNG HỒ ĐO

Tình trạng thực tế của máy có thể được kiểm tra ngay lập tức từ các đồng hồ đo và các đèn chỉ báo trên taplo điều khiển; công tơ mét, đồng hồ nhiệt độ nước động cơ, đồng hồ nhiệt độ nhớt hộp số, chỉ báo mức nhiên liệu, đồng hồ số giờ hoạt động của động cơ cùng các đèn chỉ báo và tín hiệu cảnh báo khác.



CÁC TAY TRANG ĐIỀU KHIỂN GẦU VÀ TY NÂNG GẦU

Tay trang điều khiển vận hành thông qua áp thủy lực có tựa tay cung cấp các thao tác điều khiển thuận tiện cho người vận hành. Thời gian tạm nghỉ của máy thấp nhờ vào cấu trúc cơ khí đơn giản của máy.

CÁC CÔNG TẮC VÀO SỐ

Công tắc gạt vào số đặt ở khu vực cần điều khiển giúp cho việc chuyển từ số 2 sang số 1 dễ dàng và nhanh chóng.



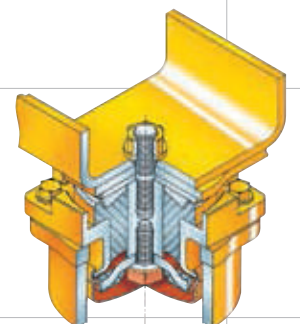
VỊ TRÍ ĐẶT CỐC NƯỚC

Các hốc đặt cốc nước uống được đặt ngay tại khu vực hộp điều khiển.



LẮP ĐẶT CABIN

Cabin được lắp giúp giảm hiệu quả ồn và rung trong lúc vận hành, điều đó cung cấp sự thoải mái cho người vận hành.



Máy trên hình có thể đã đi kèm với các hạng mục tùy chọn.
Vui lòng liên hệ với đại lý KCM địa phương để biết được các hạng mục tùy chọn.

CÁC THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Động cơ

Model	Động cơ diesel HINO "J08C-TI"	
Loại	4 thì, làm mát bằng nước, phun trực tiếp, với turbo tăng áp, bộ làm mát khí trong	
Công suất định mức	Gross - SAE J1995	184 kW (246 hp)/2,200 v/phút
	Net - ISO 9249 SAE J1349 80/1269/EEC	163 kW (218 hp)/2,200 rpm/v/phút
Mô men xoắn tối đa	Gross	970 N•m (99 kg f•m)/1,400 v/phút
	Net	912 N•m (93 kg f•m)/1,200 v/phút
Số xi lanh	6	
(Đ.kính x khoảng chạy)	114 mm x 130 mm	
Tổng dung tích	7961 cc	
Loại làm mát	Quạt làm mát dẫn động bằng thủy lực tản nhiệt điều áp	
Bơm nạp nhiên liệu	Bosch	
Bộ điều tốc	Loại cơ, mọi tốc độ	
Lọc gió	Loại khô (2 lõi)	
Máy phát điện	AC 24V 1.2 kW (50 A)	
Mô tơ để khởi động máy	DC 24V 4.5 kW (6.0 hp)	
Ắc qui	DC 12V 108 Ah x 2	

Hộp số & Bộ biến mô (Ly hợp thủy lực)

Bộ biến mô	Model	KCM	
	Tỉ số mô men truyền	3 bộ phận, 1 stator, 1 rotor 3.42	
Hộp số	NSX & Model	KCM, Truyền động hết công suất qua trục, truyền chung	
	Loại ly hợp	Nhiều đĩa, loại ướt	
Tốc độ di chuyển		Tới	Lùi
	Số 1	7.5 km/h	7.7 km/h
	Số 2	12.6 km/h	13.0 km/h
	Số 3	21.2 km/h	21.8 km/h
	Số 4	35.7 km/h	36.5 km/h
Tỉ số hộp số giảm tốc		Tới	Lùi
	Số 1	3.910	3.792
	Số 2	2.283	2.214
	Số 3	1.296	1.257
	Số 5	0.693	0.672

Cầu xe và cơ cấu truyền động cuối cùng

Loại	Dẫn động 4 bánh
NSX & Loại	KCM Tự do hoàn toàn
Hộp số vi sai	Bánh răng cùi thơm, điều chỉnh mô men, tỉ số giảm tốc 1 cấp là 4.333
Bánh răng giảm tốc cuối cùng	Lắp phía ngoài, bánh răng hành tinh
Góc dao động của cầu sau	± 14°
Lớp (tiêu chuẩn)	23.5 (L3) bánh đặc
Vành bánh xe	19.50 x 25

Thay đổi khối lượng

Hạng mục tùy chọn		Trọng lượng vận hành (kg)	Độ chênh lệch tải (kg)		Bề rộng tổng thể (mm) (lớp phía ngoài)	Kích thước thẳng đứng (mm)	Chiều dài tổng thể (mm)
			Đi thẳng	Quay máy tối đa			
Mái che (thay cho cabin ROPS)		-450	-430	-370	—	-65	—
Cabin mềm (thay cho cabin ROPS)		-230	-220	-190	—	—	—
Bỏ cabin ROPS		-520	-505	-430	—	-270	—
Lớp	23.5R25(L3)	±0	±0	±0	±0	±0	±0
	23.5R25(L4)	+420	+310	+270	+30	±0	±0
	23.5R25(L5)	+560	+415	+360	±0	±0	±0
	26.5R25(L3)	+560	+415	+360	+60	+60	-50
	26.5R25(L4)	+960	+710	+620	+75	+60	-50
	23.5-25-16PR(L3)	±0	±0	±0	±0	±0	±0
	23.5-25-16PR(L5)	+780	+565	+485	—	—	—
	26.5-25-20PR(L3)	+660	+475	+410	+85	+60	-50
Bộ phận bảo vệ phía dưới bụng máy		+165	+235	+205	—	—	—

Hệ thống phanh

Phanh chính	Phanh đĩa ướt trên 4 bánh xe Được kiểm soát hoàn toàn bằng thủy lực 2 mạch
Phanh đỗ	Tác động bằng lò xo, mở bằng áp dầu thủy lực lắp ở đường truyền lực phía trước
Phanh khẩn cấp	Giống như phanh đỗ, tác động khi đường áp phanh hỏng

Hệ thống lái

Loại	Lái qua khung khớp xoay, lái chuyển bằng công suất thủy lực. Vận hành bằng áp điều khiển
Van trợ lái	Kawasaki, Orbitroll và loại van ống
Góc lái	37° cho mỗi bên

Hệ thống tải vật liệu

Loại	Nằm phía trước, hệ thống mối nối hình Z	
Góc nâng gầu tối đa (khi đổ vật liệu)	45°	
Chu kì thủy lực	Nâng (tải tối đa)	6.5 giây
	Hạ (gầu trống)	4.2 giây
	Đổ vật liệu	1.4 giây
	Tổng chu kỳ	12.1 giây

Hệ thống thủy lực

Bơm dầu	Bơm trợ lái	Bánh răng, 238 lít/phút 6.9 Mpa (70 kgf/cm ²) @2,200 vòng/phút
	Bơm dầu chính	Bánh răng, 108 lít/phút, 6.9 Mpa (70 kgf/cm ²) @2,200 vòng/phút
	Bơm dầu điều khiển	Bánh răng, 76.2 lít/phút, 6.9 Mpa (70 kgf/cm ²) @2,200 vòng/phút
Van điều khiển	Tải	Van điều khiển đa chức năng
	Lái	Kawasaki, Orbitrol và loại van ống
Xi lanh nâng	Loại	Pít tông tác động hai chiều
	Đ.kính x khoảng chạy	2 x 160 mm Đ.kính x 860 mm khoảng chạy
Xi lanh nghiêng	Loại	Pít tông tác động hai chiều
	Đ.kính x khoảng chạy	1 x 190mm Đ.kính x 544 mm khoảng chạy
Xi lanh lái chuyển	Loại	Pít tông tác động hai chiều
	Đ.kính x khoảng chạy	2 x 90mm Đ.kính x 440 mm khoảng chạy
Áp cài đặt van xả	Van điều khiển	20.6 Mpa (210 kgf/cm ²)
	Van trợ lái	20.6 Mpa (210 kgf/cm ²)

Lượng dầu nhớt

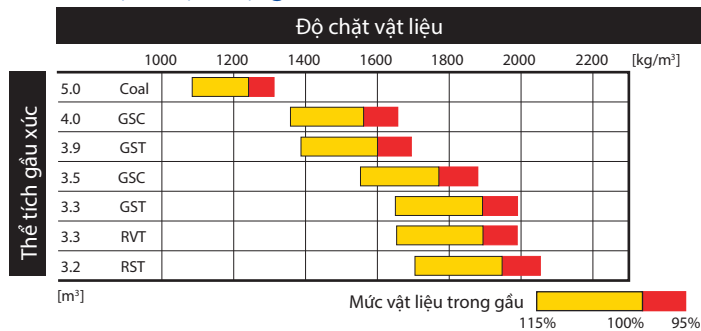
Thùng nhiên liệu	300 lít
Bôi trơn động cơ (gồm cả dầu ở đáy cacte)	23 lít
Nước làm mát động cơ	33 lít
Hộp số	53 lít
Cầu trước/sau	154 lít
Thùng dầu thủy lực	120 lít
Hệ thống thủy lực (tính cả thùng dầu)	210 lít

Gầu

			Tay nâng gầu tiêu chuẩn						
			Mục đích chung				Đá Vát mép đứng	Đá Vát mép chữ V	Than Vát mép đứng
			Tám mép (bu lông)	Gắn bằng răng	Tám mép (bu lông)	Gắn bằng răng	Gắn bằng răng	Gắn bằng răng	Tám mép (bu lông)
			GSC	GST	GSC	GST	RST	RVT	
									
Dung tích gầu	Vật liệu chất đồng	m ³	4.0	3.9	3.5	3.3	3.2	3.3	5.0
	Vật liệu ngang mặt	m ³	3.5	3.3	3.0	2.8	2.7	2.8	4.2
Khoảng sáng tối đa khi nâng gầu (đẩy tải)	a	mm	3,035	2,945	3,105	3,015	2,945	2,840	3,060
Khoảng tiếp cận tối đa khi nâng gầu (có tải)	b	mm	1,190	1,250	1,120	1,180	1,235	1,355	1,170
Chiều cao tối đa của ắc cốt ty nâng gầu		mm	4,250						
Chiều sâu đào (theo độ sâu gầu xúc)	c	mm	130	145	130	145	155	155	120
Lực xúc đất		kN	164	178	177	193	185	167	125
Góc nghiêng gầu ra sau	khí di chuyển	deg	50°						
Chiều dài tổng thể	d	mm	8,330	8,445	8,230	8,345	8,420	8,575	8,300
Chiều cao tổng thể	Đến đỉnh cabin	mm	3,475						
	Nâng gầu tối đa	e	mm	5,820	5,820	5,700	5,700	5,570	5,810
Chiều rộng tổng thể	Tính ở mép ngoài lốp	mm	2,845						
	Tính ở mép ngoài gầu	f	mm	3,100	3,120	3,100	3,120	3,115	3,800
Khoảng cách tâm lốp xe trái và phải		mm	2,230						
Chiều dài cơ sở		mm	3,300						
Bán kính quay vòng tối thiểu (di chuyển có mang gầu)	Tính từ mép ngoài gầu	g	mm	7,035	7,070	7,015	7,055	7,075	7,060
	Tính từ tâm lốp ngoài	mm	6,045						
Khoảng sáng gầm tối thiểu		mm	475						
Góc khớp xoay tối đa		độ	37°						
Trọng lượng vận hành	với cabin ROPS	kg	20,050	19,860	19,930	19,750	20,095	20,195	20,185
Tải trọng không tải lúc đổ vật liệu	vị trí máy thẳng	kg	14,910	15,165	15,095	15,330	14,495	14,085	14,345
	xoay tối đa	kg	13,010	13,230	13,165	13,375	12,645	12,290	12,515

Trọng lượng và số liệu bao gồm bánh đặc loại 23.5 (L3), ROPS cab, chất bôi trơn, nước làm mát, thùng nhiên liệu đầy và thợ vận hành 75 (kg).

Biểu đồ lựa chọn loại gầu xúc



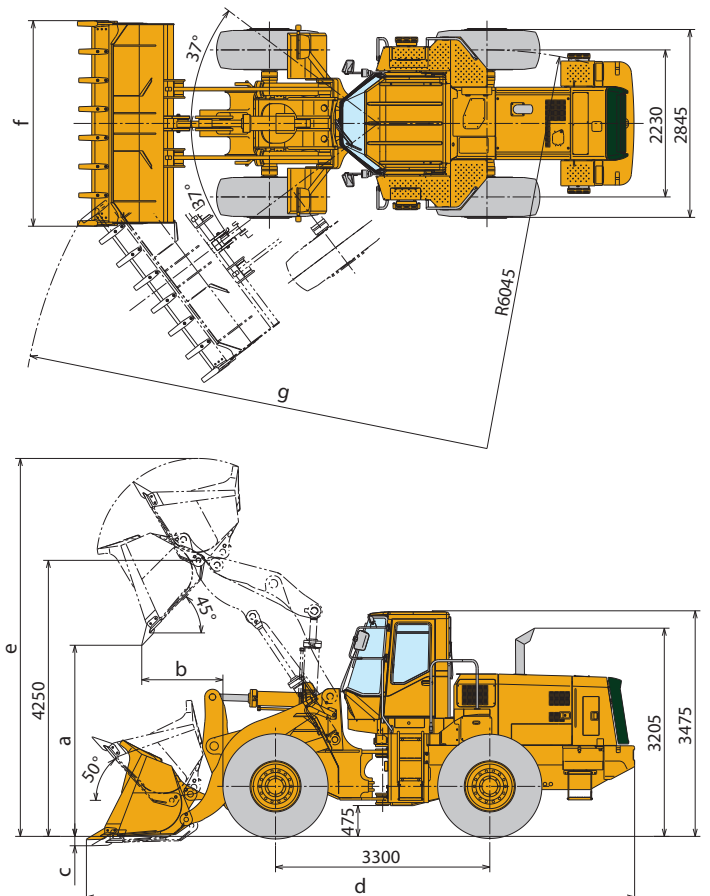
Độ chặt vật liệu

Xấp xỉ bằng khối lượng vật liệu chia cho thể tích khối vật liệu đổ

Basalt, granite, dạng cục	1537 kg/m ³
Sét và sỏi, khô	1601 kg/m ³
Đất, bùn, ướt	1729 kg/m ³
Granite, vỡ vụn	1537 kg/m ³
Sỏi	1761 kg/m ³
Thạch cao	2268 kg/m ³
Đá vôi, hạt thô, đã được sàng lọc theo cỡ	1569 kg/m ³
Cát, khô	1681 kg/m ³
Cát kết, khai thác từ mỏ	1313 kg/m ³
Đá tảng hoặc sỏi. Cỡ 3/4"	1569 kg/m ³

Lưu ý

- * Các loại vật liệu và đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không báo trước và có thể sẽ không tuân theo sự thay đổi của đơn vị sản xuất phụ tùng dùng trên thiết bị.
- * Thông tin này, mặc dù hoàn toàn đáng tin cậy song nó không có nghĩa để xem xét như minh chứng hợp pháp cho việc yêu cầu bảo hành.
- * Khoảng sáng và khoảng tiếp cận khi gầu mang tải được xác định từ mép của gầu xúc theo tiêu chuẩn SAE J732C.
- * Màu cho các model trong tập giới thiệu này theo tiêu chuẩn của KCM là màu vàng.
- * Đối trọng (tùy chọn) không nên sử dụng khi máy là bánh lốp chứa phụ gia bên trong.
- * Bảng đặc tính kỹ thuật này có thể chứa cả đính kèm và trang bị tùy chọn mà không sử dụng ở thị trường của bạn. Vui lòng liên hệ với các đại lý KCM địa phương để chọn các hạng mục tùy chọn mà bạn mong muốn.



Trang bị với gầu xúc GST, lốp đặc 23.5 (L3) và cabin ROPS.

TRANG BỊ TIÊU CHUẨN

*Các đặc tính tiêu chuẩn rất đa dạng. Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ với các đại lý KCM địa phương.

Điện

Máy phát 50 A
Tín hiệu di chuyển lùi máy
Phanh và đèn sau đuôi xe
Bộ đề bằng điện
Các đèn làm việc Halogen và chùm tín hiệu dưới, trên (trước)
Đèn làm việc Halogen (2 phía trước và 2 phía sau)
Các tín hiệu khi xoay máy với đèn nháy 4 cấp

Đồng hồ đo và các chỉ báo

Đèn cảnh báo cho bộ lọc gió
Đèn cảnh báo cho chế độ di chuyển tự động
Đèn nạp bình ắc quy
Đèn cảnh báo áp suất phanh
Đồng hồ nhiệt độ nước làm mát và đèn cảnh báo

Đèn cảnh báo áp lực nhớt động cơ
Đồng hồ đo mức nhiên liệu
Đèn chỉ báo tín hiệu cao
Đồng hồ đo thời gian làm việc
Đèn chỉ báo tầm trung
Đèn chỉ báo phanh đỗ

Công tơ mét

Đồng hồ nhiệt độ nhớt bộ biến mô và đèn cảnh báo
Đèn cảnh báo kiểm soát bộ phận truyền động
Đèn ngắt ly hợp truyền động
Bộ giám sát tình trạng hộp số
Đèn chỉ báo làm việc

Khu vực vận hành

Ghế ngồi điều chỉnh được, lắp trên lò xo
Gạt tàn thuốc
Hốc đặt cốc nước uống
2 tay trang điều khiển gầu và ty nâng
2 mạch điện cho còi
Công tắc gạt sang số
Vô lăng lái nghiêng được

Hệ thống truyền lực

Lọc gió, 2 lõi loại khô
Loại làm sạch tự động nhờ vào lọc sơ cấp
Động cơ diesel HINO J08C-TI
Phanh nhiều đĩa loại ướt (trong nhớt thủy lực)

Quạt tản nhiệt cho động cơ, vận hành bằng thủy lực
Hộp số tự động KCM
Các trục của KCM, vi sai phân bố mô-men xoắn (trước /sau)
Ly hợp thủy lực KCM
Trục dẫn động ít cần bảo trì
Lớp, 23.5 (L3) loại đặc

Khác

Bộ cảm biến vị trí của gầu
Chốt móc kéo
Tay vin
Thiết bị hỗ trợ đổ vật liệu khỏi gầu
Thang, trái và phải
Mối nối vận chuyển dạng chữ Z với 1 xi lanh đơn
Phanh phụ

CÁC HẠNG MỤC TÙY CHỌN

Quạt làm mát có khả năng tự động quay ngược
Cab (không bao gồm ROPS/FOPS)
(cửa bên trái / phải, thiết kế cho phép lên xuống 2 bên)
Cab (ROPS/FOPS)
(cửa bên trái / phải, thiết kế cho phép lên xuống 2 bên)
Mái che (Mái che bằng nhựa với 2 gờ đỡ)
Mái che (có ROPS/FOPS)
Radio và máy phát đĩa CD (AM/FM stereo)
Lái chuyển khẩn cấp
Thành bảo vệ trước /sau
Máy điều hòa không khí tự động hoàn toàn
Tay nâng gầu lên cao
Mạch thủy lực cho các chốt lắp ghép nhanh
Hệ thống 3 van thủy lực dạng thanh trượt
Đèn LED phía sau
Vi sai chống trượt
Chấn bùn
Lọc sơ cấp
Bộ lắp ghép nhanh
Bộ dụng cụ hỗ trợ radio
(Bộ chuyển đổi 12V, anten và dây điện, loa)
Kiểm soát di chuyển (cảm biến tốc độ tự động)
Dây đai an toàn
Các loại lốp và gầu xúc tùy chọn
Bộ phận bảo vệ phía dưới hộp số
Bộ thiết bị bảo vệ chống các tác động phá hoại

Đặc tính kỹ thuật cabin

Bật lửa hút thuốc
Móc áo
Thảm sàn
Thanh gạt nước và bộ vệ sinh kính phía trước
Cửa khóa lại được với cánh cửa trượt cùng với các thanh vận cửa (trái và phải)
Gương chiếu hậu (bên trong và ngoài)
Thanh gạt nước và bộ vệ sinh kính phía sau (tùy chọn)
Khoang lưu trữ
Tấm che nắng
Kính an toàn loại có màu (kính cường lực)